TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/KDTM-PT
Ngày 20-01-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 325/2025/TLPT-DS ngày 14/11/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2025/KDTM-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7043/2025/QĐ-PT ngày 26/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23137/2025/QĐ-PT ngày 23/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2026/QĐ-PT ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH V; trụ sở: Số A đường N, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp của nguyên đơn: bà Lê Thị Mỹ Đ, sinh năm 1995; địa chỉ liên hệ: số E đường số D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 07/01/2026). Bà Đ có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH A (ARC); trụ sở: Lô A, đường số A, cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trịnh Thị Thúy N, sinh năm 2001; Bà Hứa Thị T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số A đường E, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2025). Bà N có mặt, bà T vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty TNHH A (ARC).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH V trình bày:*

Nguyên trước đây Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty V) có mua bán hàng hóa với Công ty TNHH T1 - nay là Công ty TNHH A (ARC) (viết tắt là Công ty A). Cụ thể vào các tháng 9, 10, 11 năm 2024, Công ty V có bán cho Công ty ARC WORKS hàng hóa là phụ kiện ghế Sofa với tổng giá trị là 699.823.440 đồng. Công ty A đã nhận hàng sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Cụ thể: Vào tháng 9, 10, 11 năm 2024 Công ty V đã bán hàng và xuất 05 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử cho Công ty A, sau: Hóa đơn số 303 ngày 30 tháng 9 năm 2024 số tiền là 171.053.640 đồng; hóa đơn số 304 ngày 30 tháng 9 năm 2024 số tiền là 303.344.000 đồng; hóa đơn số 364 ngày 30 tháng 10 năm 2024 số tiền là 216.865.000 đồng; Hóa đơn số 366 ngày 30 tháng 10 năm 2024 số tiền là 7.020.000 đồng; hóa đơn số 422 ngày 29 tháng 11 năm 2024 số tiền là 1.540.000 đồng. Sau khi giao nhận hàng, Công ty A nhiều lần hứa hẹn, trì hoãn việc trả tiền làm ảnh hưởng rất lớn đến việc hoạt động bình thường và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty V.

Do đó, nguyên đơn Công ty TNHH V khởi kiện bị đơn Công ty TNHH A (ARC) như sau: buộc Công ty TNHH A (ARC) phải trả cho Công ty TNHH V số tiền nợ gốc là 699.823.440 đồng; tiền phạt hợp đồng do vi phạm thời hạn thanh toán là 8%/giá trị hợp đồng chưa trả 699.823.440 đồng là 55.987.875 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ sau ngày xuất hóa đơn đến ngày xét xử vụ án 08/9/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thanh toán theo 05 hóa đơn tổng là 62.556.635 đồng.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A (ARC) trình bày:*

Thống nhất trình bày của nguyên đơn về việc nguyên đơn và bị đơn có mua bán hàng hóa là phụ kiện ghế sofa với nhau và nguyên đơn có tiến hành xuất 05 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 699.823.440 đồng như nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do, nguyên đơn và bị đơn không có ký hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên không có quy định về thời gian trả tiền đối với các hóa đơn này và chưa xác nhận công nợ. Trước khi khởi kiện thì nguyên đơn chưa gửi thông báo về việc yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ cho bị đơn. Do đó, không có căn cứ xác

định thời gian mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn cũng không có cơ sở xác định nguyên đơn bị xâm phạm quyền lợi.

Đối với yêu cầu phạt hợp đồng do vi phạm thời hạn thanh toán là 8%/giá trị hợp đồng chưa trả 699.823.440 đồng là 55.987.875 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm theo quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm thanh toán theo 05 hóa đơn tổng là 62.556.635 đồng cũng không đồng ý. Vì lý do hai bên không có thỏa thuận hợp đồng, việc giao hàng của nguyên đơn có nhiều sản phẩm không đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, do mối quan hệ hợp tác giữa hai công ty nên bị đơn không đề cập muốn giữ mối quan hệ hòa khí giữa hai bên. Bị đơn xác định không có khiếu nại khi nhận hàng hóa và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại Bản án số 29/2025/KDTM-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V đối với bị đơn Công ty TNHH A (ARC), về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH A (ARC) trả cho Công ty TNHH V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2025 là 762.380.075 đồng (B trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn không trăm bảy mười lăm đồng). Trong đó tiền gốc là: 699.823.440 đồng, tiền lãi là: 62.556.635 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V đối với bị đơn Công ty TNHH A (ARC) về việc buộc bị đơn Công ty TNHH A (ARC) trả tiền phạt hợp đồng do vi phạm thời hạn thanh toán là 8%/giá trị hợp đồng là 55.987.875 đồng (năm mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2025 bị đơn Công ty A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn trình bày kháng cáo: đối với phần Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền phạt vi phạm bị đơn đồng ý không kháng cáo, bị đơn chỉ kháng cáo về phần tiền nợ gốc

và tiền lãi chậm thanh toán là 762.380.075 đồng, nếu nguyên đơn đồng ý trừ số tiền 102.708.000 đồng vào số tiền hàng thì bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 659.672.605 đồng. Nếu nguyên đơn không đồng ý số tiền bị đơn nêu ra thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm với các lý do sau: Hai bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn không chứng minh được giao dịch mua bán được xác lập giữa hai bên nên không có cơ sở xác định bị đơn có mua hàng và còn thiếu tiền như nguyên đơn trình bày; các phiếu giao hàng, biên bản giao nhận hàng hóa không có đủ chữ ký của người có thẩm quyền, không đóng dấu của công ty nên không hợp lệ do đó không có căn cứ buộc bị đơn trả tiền gốc, lãi cho nguyên đơn. Về chất lượng hàng hóa: nguyên đơn không cung cấp được biên bản nghiệm thu hoặc tài liệu xác nhận hàng hóa đạt chất lượng nên chưa phát sinh trách nhiệm của bị đơn; có 02 hóa đơn không thể hiện danh sách hàng hóa nên không hợp lệ; mặt khác hàng hóa do nguyên đơn giao có lỗi về chất lượng theo báo cáo thử nghiệm ngày 29/12/2025 sửa đổi ngày 02/01/2026 do bị đơn thực hiện, bị đơn đã phản ánh nhưng chưa được nguyên đơn giải quyết.

Đại diện nguyên đơn Công ty V trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: các bên thống nhất đã thực hiện việc giao nhận hàng hóa. Bị đơn nhận hàng nhưng không thanh toán theo các hóa đơn đã nhận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại phiên tòa bị đơn nộp báo cáo thử nghiệm chất lượng hàng hóa nên không đồng ý thanh toán 102.708.000 đồng. Thời điểm nhận hàng và hóa đơn, bị đơn không có khiếu nại về chất lượng hàng hóa, đến nay mới có khiếu nại là đã hết thời hạn nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi chậm trả cho nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày tranh tụng của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty A được thực hiện trong thời hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ngày 14/4/2025, nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH T1; ngày 09/6/2025 Phòng Đăng ký kinh doanh chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T1 thành Công ty TNHH A (ARC). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH A (ARC) kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty TNHH T1 là bị đơn trong vụ án là phù hợp quy định của Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: đối với phần phạt vi phạm hợp đồng 8% số tiền 55.987.875 đồng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn:

[4.1] Bị đơn kháng cáo cho rằng hai bên không ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa nên không có quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa với nguyên đơn và không đồng ý trả nguyên đơn số tiền hàng còn nợ 699.823.440 đồng vì cho rằng bị đơn yêu cầu xem xét giải quyết về chất lượng hàng hóa bị lỗi nhưng nguyên đơn không thống nhất nên bị đơn không đồng ý trả tiền gốc và lãi, đề nghị khấu trừ số tiền hàng kém chất lượng.

[4.2] Xét thấy, về số tiền hàng chưa thanh toán 699.823.440 đồng: nguyên đơn và bị đơn xác định có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau nhưng không ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Quá trình giải quyết vụ án, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa ngày 08/9/2025 (bút lục 155, 186-193) đại diện bị đơn thống nhất thừa nhận nguyên đơn đã giao hàng hóa và bị đơn đã nhận hàng hóa là phụ kiện ghế sofa, nguyên đơn đã xuất hóa đơn, bị đơn đã nhận hóa đơn với tổng số tiền là 699.823.440 đồng nhưng chưa thanh toán tiền hàng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại: "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*". Theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại: "*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: 1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa*".

Việc giao nhận hàng hóa đã hoàn thành, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và theo sự thừa nhận của các bên bị đơn đã nhận hóa đơn nên phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền hàng đã nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hàng 699.823.440 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4.3] Về chất lượng hàng hóa: tại cấp sơ thẩm đại diện bị đơn trình bày: "nguyên đơn có nhiều sản phẩm không đảm bảo chất lượng, tuy nhiên do mối quan hệ hợp tác giữa hai công ty nên bị đơn không đề cập, muốn giữ mối quan hệ hòa khí giữa hai bên" (bút lục 155). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn trình bày "việc hàng hóa bị lỗi thì không đáng kể, phía bị đơn vẫn chấp nhận hàng hóa lỗi đó của nguyên đơn và không có yêu cầu hay ý kiến gì" (bút lục 187). Lời thừa nhận trên của đại diện bị đơn xác định bị đơn đã chấp nhận nhận hàng của nguyên đơn và không có phản hồi về chất lượng hàng hóa ngay sau khi bị đơn nhận hàng.

[4.4] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp bản dịch báo cáo thử nghiệm ngày phát hành 29/12/2025, sửa đổi ngày 02/01/2026 của Công ty TNHH E đối với mẫu dây thun màu xanh 70mm thể hiện kết quả thử nghiệm không đạt chất lượng với độ bền kéo 885.5N/1.500N (ngày gửi mẫu 23/12/2025). Đại diện nguyên đơn trình bày mặt hàng dây thun màu xanh 70mm đã được nguyên đơn giao hàng cho bị đơn và xuất hóa đơn ngày 30/8/2024, các bên đã thực hiện xong hợp đồng mua bán hàng hóa này và không liên quan đến vụ án này, do đó nguyên đơn không đồng ý chứng cứ bị đơn cung cấp.

[4.5] Xét thấy, tại cấp phúc thẩm bị đơn xác định số hàng lỗi theo hóa đơn 0000303 ngày 30/9/2024 chỉ có 1.600mm, bị đơn không chứng minh được mặt hàng do bị đơn nhận với mẫu thử nghiệm theo kết quả báo cáo thử nghiệm nêu trên có mối quan hệ là của nguyên đơn xuất trình theo các hóa đơn đang khởi kiện; thời gian hai bên giao nhận hàng từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024, tháng 12/2025 bị đơn mới gửi mẫu để kiểm tra chất lượng hàng hóa là vượt quá thời hạn khiếu nại về chất lượng hàng hóa được quy định tại Điều 318 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, khiếu nại của bị đơn về chất lượng hàng hóa không được nguyên đơn chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi chậm thanh toán:

[5.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày xuất hóa đơn cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm trên số tiền chậm trả: 699.823.440 đồng.

[5.2] Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "*Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Do hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nên nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian

chậm trả theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án cấp phúc thẩm, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng tại địa phương thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là 10,35%/năm; mức lãi suất này cao hơn mức lãi 10%/năm do nguyên đơn yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi 10%/năm từ sau ngày xuất hóa đơn đến thời điểm xét xử sơ thẩm để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn số tiền 62.556.635 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại.

[6] Từ các phân tích trên xét thấy, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Về án phí phúc thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A (ARC), giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2025/KDTM-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH A (ARC) phải chịu 2.000.000 đồng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022437 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận**:*
- VKSND Tp Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 - Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 - Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VTLT, Tòa DS, HSVA 10b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Mai